TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/03/2024
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

Ông Đỗ Văn Long - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 360/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2023 về việc "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐ-ST ngày 26/2/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Bá T, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Q, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay:M, 21029 H, Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Đỗ Thị Nhật L, sinh năm 1995. Địa chỉ: thị tứ B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm 1989. (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Q, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Đức (không rõ địa chỉ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Chu Bá T trình bày:*

** Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2016, sau một thời gian tìm hiểu, được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh và chị Thân Thị H có tổ chức lễ cưới theo truyền thống địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 29/6/2016 tại UBND xã Q,

huyện V(nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu khi mới kết hôn, anh và chị H chung sống khá hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng đôi khi có phát sinh mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, anh chị đều tự giải quyết được với nhau. Tuy nhiên, thời gian sau, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh và chị H đều lần lượt đi xuất khẩu lao động tại Đức. Cụ thể, năm 2018 anh T đi xuất khẩu lao động và đến năm 2022, chị H cũng tiếp tục đi xuất khẩu lao động. Thời gian đầu sau khi chị H sang Đức, anh và chị H chung sống cùng nhau. Nhưng ở với nhau được khoảng 06 tháng, do anh và chị H liên tục phát sinh mâu thuẫn vì những nguyên nhân, lý do khác nhau như: hai bên không tìm được tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống, công việc, tình cảm gia đình, việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình... Vì vậy, từ đầu năm 2023, sau một lần cãi vã gay gắt, chị H đã bỏ ra ngoài thuê nhà và sống ly thân với anh. Đồng thời, chị H cũng cắt đứt mọi liên lạc với anh và cũng không cho anh biết chị đang ở đâu. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thân Thị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị H không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, công nợ chung

Do các tài liệu anh T gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên anh T đã có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của anh T tại các tài liệu mà anh T gửi về từ nước ngoài.

- Tại kết luận giám định số 2439/KL-KTHS ngày 14/12/2023 của phòng K công an tỉnh B đã kết luận D vân tay màu đỏ in tại mục " Dấu vân tay ngón tay trỏ phải" , trên các tài liệu cần giám định so với dấu vân tay tại ô " Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 121524736, mang tên Chu Bá T, sinh ngày 21/5/1988 do phòng C về tTXH- Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

* Bị đơn là chị Thân Thị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị H đến nay không nhận được thông tin của chị H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của chị Thân Thị H là bà Nguyễn Thu M, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang, bà M có quan điểm trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của chị H có địa chỉ như trên, hiện nay chị H đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội. Về địa chỉ của chị H ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình bà thông báo để chị H gửi quan điểm về thì gia đình bà từ chối thực hiện. Việc anh T xin ly hôn, chị H có biết nhưng không có ý kiến gì trao đổi với bà nên bà không có ý kiến gì cung cấp cho Tòa án. Anh T và chị H

không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung của anh chị thì bà không nắm được nên không có ý kiến gì trao đổi với Tòa án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Chu Bá T xin vắng mặt không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Thân Thị H vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Chu Bá T được ly hôn chị Thân Thị H. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000 đồng tiền án phí giám định dấu vân tay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chu Bá T là người Việt Nam, hiện đang lao động tại nước ngoài có đơn xin ly hôn đối với chị Thân Thị H. Bị đơn chị Thân Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Q, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Căn cứ công văn số: 28/QLXNC-P3 ngày 03/01/2024 của Cục Q - Bộ C1 thì chị Thân Thị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 21/11/2022, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh Chu Bá T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Thân Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng

vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị H là đảm bảo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh T và chị H mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh T và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chu Bá T, xử cho anh Chu Bá T được ly hôn chị Thân Thị H.

[4]. Về con chung: Anh Chu Bá T và chị Thân Thị H không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Chu Bá T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản

2 Điều 479- của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Bá T được ly hôn với chị Thân Thị H.

2. Về án phí: Anh Chu Bá T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000907 ngày 15/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Anh T phải chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định Xác nhận anh T đã nộp đủ chi phí giám định.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Chu Bá T và chị Thân Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Quảng Minh, thị xã Việt Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hương Giang